TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2018/QĐST- KDTM	*B, ngày 02 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25/01/2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2017/TLST-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 25/01/2018 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ngân hàng Đ

Địa chỉ: Trụ sở tại B, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K- Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đình M, chức vụ: Trưởng phòng – Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B.

Địa chỉ chi nhánh: Số 02, đường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn***: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số nợ tính đến ngày 25/01/2018 là: 1.421.421.180 đồng (Một tỷ, bốn trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi mốt nghìn, một trăm tám mươi đồng), trong đó dư nợ gốc: 885.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 382.639.583 đồng, tiền lãi suất nợ quá hạn: 153.781.597 đồng theo phương án sau:

- Ngày 26/01/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/02/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/3/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/4/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/5/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/6/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/7/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/8/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/9/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/10/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/11/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/12/2018 ông D, bà T trả 5.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/01/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/02/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/3/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/4/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/5/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/6/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/7/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/8/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/9/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/10/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/11/2019 ông D, bà T 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/12/2019 ông D, bà T trả 15.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/4/2020 ông D, bà T trả 215.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/8/2020 ông D, bà T trả 215.000.000 đồng nợ gốc.
- Ngày 26/12/2020 ông D, bà T trả 215.000.000 đồng nợ gốc.

- Ngày 31/12/2021 ông D, bà T trả 536.421.180 đồng tiền lãi trong hạn, lãi suất nợ quá hạn và tất toán toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 143/13/HĐ ngày 01/02/2013 để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng dất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB137837, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: do UBND huyện H cấp ngày 10/02/2010 cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T, tại thửa đất số 25b, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất: D, Đ, H, Bắc Giang, diện tích: 1065.8 m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 1065.8 m^2, sử dụng chung: Không m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: Lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhận QSDĐ do chuyển nhượng QSDĐ, những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có): Không và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp một trong các bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng một trong những cam kết đã thỏa thuận trên đây thì bên có quyền được yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

2. **Về nghĩa vụ chậm thi hành án**: Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh thoán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản.

4. Về án phí: Các bên thỏa thuận:

- Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T chịu 13.660.658 đồng (Mười ba triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm năm tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Đ chịu 13.660.658 đồng (Mười ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 26.851.161 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06452 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả cho Ngân hàng Đ số tiền 13.190.503 đồng (Mười ba triệu, một trăm chín mươi nghìn, năm trăm linh ba đồng) tiền tạm ứng án phí. Xác nhận Ngân hàng Đ đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- THA TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Thị Hà